

CHÍNH PHỦ
Số: 175/CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 1994

NGHỊ ĐỊNH

Về hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 27 tháng 12 năm 1993;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ khoa học, Công nghệ và Môi trường;

NGHỊ ĐỊNH:

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

Nghị định này quy định chi tiết việc thi hành Luật Bảo vệ môi trường được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 27 tháng 12 năm 1993 và Chủ tịch nước ra Lệnh công bố số 29-L/CTN ngày 10 tháng 1 năm 1994.

Điều 2

Những quy định của Nghị định này được áp dụng đối với mọi hoạt động của tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được Luật Bảo vệ môi trường quy định.

Điều 3

Những quy định về bảo vệ môi trường có liên quan đến quan hệ quốc tế phải được tổ chức và thực hiện phù hợp với các quy định của Luật Bảo vệ môi trường, các quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam, của các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia. Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác với quy định của Nghị định này thì áp dụng các quy định của điều ước quốc tế đó.

CHƯƠNG II

PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG; TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN
ĐỐI VỚI VIỆC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 4

1- Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường thực hiện việc thống nhất quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường trong phạm vi cả nước, chịu trách nhiệm tổ chức và chỉ đạo các hoạt động bảo vệ môi trường trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình như sau:

- Xây dựng và trình Chính phủ ban hành, ban hành theo thẩm quyền các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Xây dựng và trình Chính phủ quyết định chiến lược, chính sách về bảo vệ môi trường;
- Chủ trì xây dựng, trình Chính phủ quyết định và phối hợp tổ chức thực hiện các kế hoạch dài hạn và hàng năm về phòng, chống, khắc phục suy thoái môi trường, ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường, về các công trình bảo vệ môi trường và các công trình có liên quan đến bảo vệ

môi trường;

d) Tổ chức, xây dựng, quản lý hệ thống quan trắc chung về môi trường;

đ) Đánh giá hiện trạng môi trường cả nước, định kỳ báo cáo Chính phủ và Quốc hội;

e) Thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án, các cơ sở theo quy định tại Chương III của Nghị định này;

f) Chỉ đạo việc tổ chức nghiên cứu, áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; tổ chức xây dựng và áp dụng hệ thống tiêu chuẩn môi trường; cấp, thu hồi giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường; tổ chức tập huấn cán bộ khoa học môi trường và quản lý, bảo vệ môi trường;

g) Hướng dẫn, kiểm tra các ngành, các địa phương, các tổ chức và cá nhân trong việc thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường, tổ chức công tác thanh tra môi trường, giải quyết các khiếu nại, tố cáo liên quan đến bảo vệ môi trường trong phạm vi thẩm quyền;

h) Trình Chính phủ việc tham gia các tổ chức quốc tế, ký kết hoặc tham gia các điều ước quốc tế về bảo vệ môi trường, tiến hành các hoạt động quốc tế liên quan đến bảo vệ môi trường.

2- Cục Môi trường có nhiệm vụ giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường trong phạm vi cả nước.

Nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Cục Môi trường do Bộ trưởng Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường quy định.

Điều 5

1- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường như sau:

a) Xây dựng và trình Chính phủ ban hành, ban hành theo thẩm quyền các văn bản về bảo vệ môi trường thuộc phạm vi ngành phụ trách phù hợp với quy định của Luật Bảo vệ môi trường;

Xây dựng chiến lược, chính sách về bảo vệ môi trường của ngành phù hợp với chiến lược, chính sách chung về bảo vệ môi trường của cả nước;

b) Chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật, các kế hoạch và biện pháp về bảo vệ môi trường theo hướng dẫn của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trong phạm vi ngành mình và các cơ sở thuộc quyền quản lý trực tiếp;

c) Quản lý các công trình của ngành liên quan đến bảo vệ môi trường;

d) Phối hợp thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án, các cơ sở sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Chương III của Nghị định này;

đ) Giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị xử lý các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong phạm vi thẩm quyền do pháp luật quy định.

2- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ phối hợp với Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường để tiến hành các công tác sau đây:

a) Điều tra, quan trắc, nghiên cứu, đánh giá hiện trạng môi trường trong phạm vi ngành;

b) Xây dựng trình Chính phủ quyết định và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống, khắc phục suy thoái môi trường, ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường trong phạm vi ngành;

c) Nghiên cứu, áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc phạm vi ngành.

d) Giáo dục, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về bảo vệ môi trường trong phạm vi ngành.

Điều 6

1- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường như sau:

a) Ban hành theo thẩm quyền các văn bản về bảo vệ môi trường tại địa phương;

b) Chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện tại địa phương các quy định của Nhà nước, của địa phương về bảo vệ môi trường;

c) Thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án, các cơ sở theo quy định tại Chương III của Nghị định này;

d) Cấp, thu hồi giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh;

đ) Phối hợp với các cơ quan Trung ương trong hoạt động kiểm tra, thanh tra, xử lý các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường tại địa phương; đôn đốc các tổ chức, cá nhân thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

e) Tiếp nhận, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và các kiến nghị về bảo vệ môi trường trong phạm vi quyền hạn được giao hoặc chuyển đến các cơ quan có thẩm quyền để xử lý.

2- Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường ở địa phương.

Nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở địa phương do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định theo hướng dẫn của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

Điều 7

Các cơ quan Nhà nước, các đoàn thể nhân dân có trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường như sau:

- 1- Bảo đảm thực hiện nghiêm chỉnh tại trụ sở cơ quan, đoàn thể, các quy định của pháp luật, của các cơ quan Trung ương và địa phương về bảo vệ môi trường;
- 2- Tuyên truyền, giáo dục để nâng cao ý thức trách nhiệm của các thành viên cơ quan, tổ chức trong việc bảo vệ môi trường;
- 3- Trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của mình, kiểm tra, giáo dục hoặc theo dõi việc thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường, kịp thời phát hiện, báo cáo để cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành động vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 8

Các tổ chức sản xuất, kinh doanh có trách nhiệm nghiêm chỉnh thực hiện các quy định của pháp luật về:

- 1- Đánh giá tác động môi trường; bảo đảm thực hiện đúng các tiêu chuẩn môi trường; phòng chống, khắc phục suy thoái môi trường, ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường;
- 2- Đóng góp tài chính bảo vệ môi trường, bồi thường thiệt hại do có hành vi gây tổn hại môi trường theo quy định của pháp luật;
- 3- Cung cấp đầy đủ tài liệu và tạo điều kiện cho các đoàn kiểm tra, đoàn thanh tra hoặc thanh tra viên thi hành công vụ; chấp hành quyết định của đoàn thanh tra hoặc thanh tra viên;
- 4- Tuyên truyền, giáo dục để nâng cao ý thức của cán bộ, công nhân trong việc bảo vệ môi trường; định kỳ báo cáo với cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường ở địa phương về hiện trạng môi trường tại nơi hoạt động của mình.

CHƯƠNG III

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Điều 9

Chủ đầu tư, chủ quản dự án hoặc Giám đốc các cơ quan, xí nghiệp... thuộc các đối tượng sau đây phải thực hiện đánh giá tác động môi trường:

- 1- Các quy hoạch tổng thể phát triển vùng, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các quy hoạch đô thị, khu dân cư;
- 2- Các dự án kinh tế, khoa học, y tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng;
- 3- Các dự án do tổ chức hoặc cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế đầu tư, viện trợ, cho vay hoặc liên doanh thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam;
- 4- Các dự án nói tại các Khoản 1, 2 và 3 của Điều này được duyệt trước ngày 10 tháng 1 năm 1984 nhưng chưa tiến hành đánh giá tác động môi trường theo đúng yêu cầu;
- 5- Các cơ sở kinh tế, khoa học, y tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng đã hoạt động từ trước ngày 10 tháng 1 năm 1994.

Điều 10

1- Nội dung đánh giá tác động môi trường bao gồm:

- a) Đánh giá hiện trạng môi trường tại địa bàn hoạt động của dự án hoặc cơ sở;
- b) Đánh giá tác động xảy ra đối với môi trường do hoạt động của dự án hoặc cơ sở;
- c) Kiến nghị các biện pháp xử lý về mặt môi trường.

2- Các nội dung nói tại Điều này được thể hiện thành một bản báo cáo riêng gọi là Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Điều 11

1- Đối với các đối tượng nói tại Khoản 1, 2, 3 và 4 của Điều 9, việc xây dựng Báo cáo đánh giá tác động môi trường được tiến hành thành 2 bước: sơ bộ và chi tiết (riêng các đối tượng nói tại Khoản 4 chỉ đánh giá chi tiết).

Nội dung của Báo cáo đánh giá sơ bộ tác động môi trường được quy định Phụ lục I.1; (*)

Nội dung của Báo cáo đánh giá chi tiết tác động môi trường được quy định tại Phụ lục I.2. (*)

2- Đối với các đối tượng nói tại Khoản 5 Điều 9, nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường được quy định tại Phụ lục I.3. (*)

Điều 12

1- Các phương pháp đánh giá tác động môi trường được sử dụng phải bảo đảm tính khách quan, tính khoa học, tính thực tiễn và phù hợp với trình độ quốc tế hiện hành.

2- Báo cáo đánh giá tác động môi trường phải do các cơ quan và các tổ chức có đủ điều kiện về cán bộ chuyên môn và cơ sở vật chất thực hiện.

3- Để tiến hành lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường phải sử dụng các tiêu chuẩn môi trường Việt Nam. Đối với các lĩnh vực chưa có tiêu chuẩn môi trường, cần thỏa thuận bằng văn bản với cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường.

Điều 13

Hồ sơ xin thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường bao gồm:

1- Đối với các đối tượng nói tại Khoản 1, 2, 3 và 4 của Điều 9:

a) Báo cáo đánh giá tác động môi trường,

b) Hồ sơ dự án và các phụ lục liên quan.

2- Đối với các đối tượng nói tại Khoản 5 của Điều 9:

a) Báo cáo đánh giá tác động môi trường,

b) Báo cáo hiện trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của cơ sở và các vấn đề liên quan khác.

3- Hồ sơ xin thẩm định được làm thành 3 bản. Đối với các đối tượng nói tại Khoản 3 của Điều 9, văn bản cần được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 14

1- Việc thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án và các cơ sở đang hoạt động được phân thành 2 cấp:

a) Cấp Trung ương do Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường thẩm định. Tùy trường hợp cụ thể, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường có thể ủy nhiệm cho Bộ chuyên ngành thẩm định;

b) Các địa phương do Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường thẩm định.

2- Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường có trách nhiệm xây dựng trình Chính phủ danh mục các dự án mà Báo cáo đánh giá tác động môi trường cần phải đưa ra để Quốc hội xem xét.

Điều 15

1- Việc thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường do cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường chịu trách nhiệm.

2- Trong trường hợp cần thiết thành lập Hội đồng thẩm định:

a) Hội đồng thẩm định cấp Trung ương do Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường ra quyết định thành lập.

b) Hội đồng thẩm định cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ra quyết định thành lập.

3- Thành phần Hội đồng bao gồm các nhà khoa học, quản lý, có thể có đại diện của các tổ chức xã hội và đại diện của nhân dân. Số thành viên Hội đồng không quá 9 người.

Điều 16

Thời gian thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường không quá 2 tháng kể từ ngày nhận được đầy đủ các văn bản liên quan.

Đối với các đối tượng ghi tại Khoản 3 của Điều 9 thời hạn thẩm định phải phù hợp với thời gian quy định cho việc cấp giấy phép đầu tư.

Điều 17

Cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường có trách nhiệm giám sát việc thiết kế kỹ thuật và thực thi các biện pháp bảo vệ môi trường theo kiến nghị của Hội đồng thẩm định.

Điều 18